

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH
NĂM 2023

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

+ **Việc thành lập:** Công ty Xi măng Thái Bình là doanh nghiệp nhà nước, hạch toán kinh tế độc lập theo quyết định số 163/TC ngày 15/12/1979 của UBND Tỉnh Thái Bình.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty gồm: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm Xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng khác.

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2023 là: 68 người

Trong đó cán bộ quản lý là: 06 người

Trụ sở chính của Công ty tại số 01, Đường Quách Đình Bảo, Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.

+ **Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần:**

- Theo Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty Xi măng Thái Bình được cổ phần hoá và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần trong đó vốn cổ đông 100%.

- Ngày 22/10/2001 UBND Tỉnh Thái Bình có quyết định số 1343/QĐ-UB về việc chuyển đổi Công ty Xi măng thành Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình với tổng vốn điều lệ là 7.500.000.000 đồng (*Bảy tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*) và 284 cổ đông.

- Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình được tổ chức và hoạt động theo luật Doanh nghiệp. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đăng ký kinh doanh theo luật định.

- Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 15.102.800.000 đồng với 1.510.280 cổ phần. mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

+ **Niêm yết:**

Thực hiện các quy định hiện hành đối với Công ty đại chúng của Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Sau khi xin ý kiến của các cổ đông (Đại hội cổ đông thường niên năm 2007) Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình đã tiến hành làm thủ tục xin đăng ký niêm yết. Ngày 18/11/2008 cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình với mã cổ phiếu là TBX chính thức được giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (*nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội*).

2. Quá trình phát triển:

- Khi thành lập Công ty chỉ sản xuất một loại Xi măng Poocăng thường (*Xi măng đen*) theo thiết kế ban đầu với hai lò đứng công suất nung luyện Clinker Xi măng Poocăng thường là 5.000 tấn/lò/năm x 2 lò = 10.000 tấn Clinker/năm, thiết bị do trong nước chế

tạo, công nghệ lạc hậu. Clinker ra lò từng mẻ một do đó chất lượng Xi măng không ổn định. năng suất thấp, lao động nặng nhọc, độc hại, công suất năm cao nhất đạt sản lượng 5.000 tấn Xi măng/năm.

Năm 1992 đưa thiết bị lò quay liên hợp vào nung luyện Clinker trắng, đưa công suất nung luyện của phân xưởng Xi măng Long Hầu từ 1.000 tấn/năm lên 3.000 tấn/năm. Năm 1996 đầu tư bổ sung thiết bị lò đưa năng suất lên 10.000 tấn Xi măng trắng/năm. Năm 2002, công ty thực hiện đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị công nghệ tại phân xưởng ở phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, sản xuất Xi măng Poóc-lăng trắng nhiên liệu là dầu FO thay thế cho việc sản xuất Xi măng Poóc-lăng thường, nâng công suất của Công ty từ 10.000 tấn/năm lên 30.000 tấn Xi măng trắng/năm.

- Kết quả chất lượng Xi măng trắng ổn định và không ngừng được nâng cao đạt Tiêu chuẩn Việt Nam 5691-2000, được khách hàng trong cả nước tin nhiệm, đủ sức cạnh tranh với Xi măng trắng ngoại nhập cả về giá cả, chất lượng. Mặt khác với việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật khoa học công nghệ vào sản xuất đã cơ giới hoá khâu nung luyện Clinker, cải tạo điều kiện làm việc độc hại cho người lao động, tạo dựng phong cách làm việc công nghiệp góp phần bảo vệ môi trường.

- Về chất lượng sản phẩm: Nhờ có đổi mới thiết bị công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất. Đạt độ trắng $\geq 70\%$ so với độ trắng tuyệt đối. $\geq 80\%$ so với $BaSO_4$. Cường độ đạt TCVN 5691-2000. Từ năm 1982 đến nay sản phẩm Xi măng Poóc-lăng trắng của Công ty đã được ban tổ chức hội chợ tặng thưởng các huy chương.

- Có thể khẳng định rằng chất lượng sản phẩm Xi măng trắng Thái Bình tương đương với Xi măng trắng ngoại cùng loại đang lưu thông trên thị trường Việt nam.

3. Định hướng phát triển

*** Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

Nâng cao sản lượng sản xuất, chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, tăng trưởng doanh thu, tối đa hoá lợi nhuận.

Nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, đồng thời đảm bảo lợi ích của các cổ đông. Hoàn thành các nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

*** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Để đạt được mục tiêu Công ty đã xác định chiến lược phát triển toàn diện trên các mặt về năng lực tài chính, năng lực nguồn nhân lực, năng lực về máy móc thiết bị cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ, năng lực về trình độ quản lý. Xây dựng các chiến lược tiêu thụ sản phẩm, phân loại xác định thị trường trọng điểm, xây dựng uy tín và thương hiệu doanh nghiệp tăng cường hiệu quả công tác bán hàng.

Thường xuyên tiến hành phân tích các yếu tố bên ngoài tác động ảnh hưởng đến sự phát triển của Công ty như nhân tố về môi trường, kinh tế xã hội, khoa học công nghệ, chính trị, pháp lý, thị trường, tài chính tiền tệ, tình hình hội nhập kinh tế thế giới.

Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình lấy uy tín và chất lượng sản phẩm là trung tâm cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, coi khách hàng là nhân tố quan trọng nhất quyết

định sự tồn tại và phát triển bền vững của doanh nghiệp trên cơ sở áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001: 2008.

- Sản xuất và cung cấp những sản phẩm có chất lượng cao.
- Cung ứng cho khách hàng sản phẩm đúng chất lượng, đúng số lượng, đúng chủng loại, đúng nơi, đúng lúc mà khách hàng yêu cầu.
- Có trách nhiệm đáp ứng mọi yêu cầu chính đáng của khách hàng đối với Công ty.
- Tôn trọng và xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng cũng như với nhà cung cấp.
- Nguyên vật liệu và phụ kiện chính đều phải được mua từ các nhà cung cấp có uy tín đã và sẽ được chứng nhận ISO 9001: 2008.
- Sự cam kết đối với chất lượng còn được thể hiện bởi kế hoạch đào tạo thường xuyên để nâng cao trình độ và tay nghề của công nhân viên chức.
- Công ty duy trì hệ thống quản lý chất lượng một cách có hiệu quả trên cơ sở có sự tham gia của tất cả mọi người và trên nền tảng áp dụng ISO 9001: 2008.
- Thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao hiệu lực của việc áp dụng hệ thống này để không ngừng thoả mãn nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm của Công ty.

Xây dựng dự án đầu tư xây dựng nhà máy mới nung luyện Clinker Xi măng poóc lăng trắng theo công nghệ tiên tiến tại cụm công nghiệp Trà Lý, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. Thực hiện nhiệm vụ năm 2023:

Năm 2023, Hội đồng quản trị về số lượng gồm 05 thành viên. HĐQT đã họp các phiên theo định kỳ và không định kỳ nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như giám sát tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong các phiên họp tất cả các thành viên đều tham dự đầy đủ. Các quyết định thông qua tại phiên họp đều được Hội đồng quản trị thống nhất ý kiến cao. Các nội dung đều mang tính thiết thực, kịp thời định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp cho sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với điều kiện thực tế trong năm 2023.

B. Các mặt hoạt động của Công ty

Hội đồng quản trị đẩy mạnh công tác giám sát, điều hành với Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban triển khai thực hiện theo đúng điều lệ của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT, theo quy chế làm việc của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Tất cả các chỉ đạo của HĐQT được triển khai kịp thời. Các báo cáo vướng mắc khó khăn đều được HĐQT chỉ đạo, xử lý dứt điểm, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty của cổ đông và người lao động trong Công ty

1. Những khó khăn trong thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023:

Kinh tế thế giới và trong nước nói chung, đặc biệt là ngành xây dựng nói riêng trong cả nước gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt là tình hình dịch bệnh trong những tháng đầu năm đã ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế nói chung.

Năm 2023 từ khi ngân hàng không cho các doanh nghiệp sản xuất xi măng có sản lượng thấp trong đó có Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình vay vốn đã làm cho Công ty rất khó khăn trọng việc vốn lưu động để sản xuất. Công ty đã phải ký hợp đồng liên kết với nhà đầu tư chiến lược cấp vốn và cùng nhà đầu tư khai thác máy móc thiết bị nhà xưởng và lao động để sản xuất.

2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Doanh thu năm 2023 là **18.240.566.077 đồng**

Nguyên nhân doanh thu không đạt theo kế hoạch đặt ra do sản lượng bán ra không cao do sự cạnh tranh khốc liệt của các hãng Xi măng trắng nhập ngoại. Chi phí tăng cao do phải đầu tư sửa chữa đặc biệt là đầu tư cho công tác xử lý môi trường và ảnh hưởng nặng nề từ hậu dịch bệnh.

3. Đánh giá chung

Ngày từ đầu năm kế hoạch Hội đồng quản trị đã có những quyết sách linh hoạt kịp thời chủ động đối phó với những biến động của thị trường, đặc biệt là khi dịch bệnh bùng phát phải giãn cách toàn xã hội. Đã lựa chọn phương thức, thời điểm sản xuất cho phù hợp Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty thực hiện nhiều biện pháp tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm chi phí, tích cực tìm kiếm nguồn nguyên nhiên vật liệu có chất lượng phục vụ cho sản xuất.

C. Kế hoạch, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024

Năm 2024 tình hình chung vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn thị trường bất động sản vẫn chưa có tín hiệu tích cực. Các chi phí điện, nước, xăng dầu, chi phí vận chuyển đường bộ... đều tăng. Vì vậy sản phẩm đầu ra sẽ còn gặp khó khăn do chịu ảnh hưởng của nguồn hàng nhập khẩu.

Từ nhận định trên, Hội đồng quản trị đưa ra định hướng chung với các mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:

1. Công tác sản xuất :

Kết hợp chặt chẽ cùng nhà đầu tư chiến lược vận hành khai thác thiết bị máy móc nhà xưởng và lao động để cùng sản xuất đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.

Tập trung tìm đối tác nhằm khai thác, tìm kiếm nguồn nguyên liệu phù hợp, ổn định, giá thành hạ phục vụ cho sản xuất. Tập trung nghiên cứu một định hướng kinh doanh cụ thể, có khả năng tạo bước chuyển biến tích cực trong mọi hoạt động của Công ty.

Chỉ đạo công tác quản trị, cùng với nhà đầu tư chiến lược quản lý và vận hành nhà máy sản xuất an toàn ổn định đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả.

Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về công tác giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất quản lý điều

hành, quản lý chi phí quản trị vật tư hàng tồn kho, tổ chức nhân sự và đào tạo, tài chính kế toán và kiểm tra giám sát thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có của Công ty cho phù hợp với thực tế.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá chung

Bước vào năm kế hoạch 2023, Tổng Giám đốc dưới sự điều hành trực tiếp của HĐQT công ty. HĐQT đã kịp thời chỉ đạo ban Tổng giám đốc thực hiện theo nghị quyết của hội đồng quản trị theo từng tháng từng quý. Kịp thời khắc phục những khó khăn tồn tại của những năm trước để cho Công ty vượt qua khó khăn trong năm.

a. Thuận lợi

Đội ngũ cán bộ điều hành trẻ, năng động, nhiệt tình sáng tạo trong quá trình lao động sản xuất với phương châm giảm thiểu chi phí không ngừng tăng năng suất chất lượng đem lại hiệu quả.

b. Khó khăn

Tình hình thế giới và trong nước ảnh hưởng nặng nề của các cuộc xung đột trên thế giới. Do đó sản phẩm tiêu thụ chậm tồn đọng vốn ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của Công ty.

2. Đánh giá hoạt động các bộ phận trong Công ty

a. Quản trị điều hành

Tăng cường kiểm soát chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất. Tìm tòi và áp dụng các giải pháp để tăng chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nhiên liệu...

Nhờ các nỗ lực cải cách trên, Công ty đã đạt được như sau:

- + Bố trí sắp xếp lại lực lượng lao động hợp lý, tiết kiệm được chi phí nhân công.
- + Giảm bớt được chi phí nguyên nhiên liệu đầu vào do nỗ lực tìm nguồn nguyên liệu mới.
- + Người lao động làm việc kỷ luật và nề nếp hơn.
- + Năng suất và chất lượng sản phẩm tăng và ổn định.

b. Hoạt động của Xưởng sản xuất.

Tại xưởng sản xuất, Lò TB3 và TB4 sau khi sửa chữa định kỳ đã đưa vào sản xuất ổn định chu kỳ của lò nung được kéo dài, chất lượng Clinker tốt.

Nhân sự quản lý có trình độ, cũng như việc bố trí lao động trong các ca sản xuất hợp lý, hiệu suất lao động tăng.

c. Môi trường:

Vệ sinh công nghiệp ngày càng được nâng cao góp phần đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

Các chất thải sinh hoạt chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải được quan tâm xử lý thông qua việc ký hợp đồng với Công ty có đủ chức năng tư cách pháp nhân để thực hiện.

Thiết kế và cải tạo lại hệ thống thoát nước và dẫn nước tuần hoàn để đảm bảo công tác vệ sinh và yếu tố môi trường trong sản xuất. Đã đầu tư hệ thống ống sậy viên và xử lý

khí thải môi trường. Hệ thống đã được Sở TN& MT Tỉnh Thái Bình nghiệm thu và đánh giá có hiệu quả trong công tác xử lý khí thải ra môi trường. Công ty đã thể hiện trách nhiệm cao với xã hội.

d. Quản lý, điều hành:

Điều chuyển, thay đổi nhân sự nhằm tạo sự thi đua lành mạnh từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong sản xuất.

e. Hoạt động Khoa học công nghệ

Nghiên cứu đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất như tăng năng suất lò, thay đổi phương pháp đốt giảm tiêu hao nhiên liệu, tăng năng suất nghiền xi măng.

Kiểm soát tốt chất lượng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và chất lượng sản phẩm sản xuất ra. Thường xuyên phân tích, đánh giá, so sánh các sản phẩm nhập ngoại với sản phẩm của Công ty để có định hướng kinh doanh sát thực.

f. Hoạt động tài chính

Hợp đồng chặt chẽ với nhà đầu tư đối tác chiến lược đảm bảo về nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Kiểm soát, quản lý chi phí, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn. Thường xuyên cung cấp thông tin, báo cáo đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh phục vụ HĐQT và Ban Tổng Giám đốc có đủ thông tin về tình hình tài chính để chỉ đạo, điều hành quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo dõi, quản lý chặt chẽ các khoản phải thu, phải trả, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, thanh toán cho các khách hàng đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh. Báo cáo kịp thời và minh bạch tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của luật Chứng khoán, quy định của Sở Giao dịch chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.

g. Hoạt động tổ chức và lao động tiền lương

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động.

Chủ động lập phương án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận, đủ sức đảm đương nhiệm vụ SXKD, đồng thời bám sát sản xuất để phát hiện những yếu tố bất hợp lý trong vấn đề lao động tiền lương, điều chỉnh bộ đơn giá định mức lao động cho phù hợp.

h. Hoạt động kế hoạch sản xuất và mua sắm vật tư

Luôn bám sát nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, cung ứng kịp thời nguyên nhiên liệu cho sản xuất.

IV KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Đánh giá chung

Tình hình chính trị, xung đột trên thế giới. Sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng chính vì vậy nên sản xuất trong nước sẽ lại có một năm nữa cực kỳ khó khăn và sẽ ảnh hưởng nặng nề đến việc SXKD thực hiện kế hoạch năm 2024 của nhà máy.

Trước những thuận lợi và khó khăn cơ bản trên, bước vào năm 2024 Ban Tổng giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch SXKD như sau:

Kế hoạch sản xuất năm 2024

Nội dung	Công việc, sản phẩm	Khối lượng (tấn)	Giá trị (tỷ đồng)
- Sản xuất	+ Nung luyện clinker	15.000	
	+ Nghiền xi măng	7.000	
-Tiêu thụ:	+ Xi măng trắng	7.000	
	+ Clinker	4.000	
-Các chỉ tiêu khác:			
	+ Tổng doanh thu	Tỷ đồng	19.tỷ
	+ Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	
	+ Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	
Cổ tức năm 2024			

2. Các giải pháp để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

a. Về Kinh doanh

Mở rộng thêm mạng lưới phân phối trên toàn quốc, tìm giải pháp để xuất khẩu .

Cần thêm những chương trình ưu đãi cho khách hàng truyền thống.

b. Về nhân sự

Tiếp tục rà soát, bố trí sắp xếp cán bộ đúng người, đúng việc. Tăng cường công tác bồi dưỡng đào tạo cán bộ, có kế hoạch tuyển dụng lao động có kỹ thuật trình độ chuyên môn để làm lực lượng kế cận, đảm bảo cho sản xuất ổn định.

c. Về sản xuất

Duy tu bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo thiết bị máy móc hoạt động ổn định.

Bố trí phối nguyên liệu hợp lý để đối phó với thời tiết biến động bất thường.

Nâng cao công tác quản lý thiết bị, nghiên cứu cải tạo hệ thống điện, giảm tiêu hao điện năng.

Cải tạo lại hệ thống thiết bị, nhà xưởng, kho tàng đáp ứng được tình hình mới, giảm được giá thành..

d. Về Khoa học công nghệ

Giám sát chặt nguyên, nhiên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra. Đưa ra những sáng kiến nhằm giảm tiêu hao nhiên liệu. Quản lý chặt các yếu tố chi phí cho hoạt động sản xuất theo định mức tiêu hao nguyên nhiên liệu. Tiếp tục nghiên cứu thêm các sản phẩm mới.

e. Về tài chính

Cân đối thu chi tốt để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Huy động mọi nguồn lực, sử dụng đồng vốn hiệu quả, quay vòng vốn nhanh.

Quản lý chặt chẽ việc mua bán vật tư nguyên nhiên liệu, hạn chế chi tiêu tiền mặt.

Báo cáo, hạch toán kế toán định kỳ để phân tích kết quả sản xuất kinh doanh, kịp thời phát hiện những phát sinh tiêu cực, bất cập tác động xấu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

f. Về mua sắm vật tư

Luôn đảm bảo đủ vật tư cho sản xuất và sửa chữa, bảo dưỡng. Tìm kiếm nguồn nguyên liệu phù hợp, ổn định, giá thành hạ. Quyết toán vật tư sử dụng theo hàng tháng.

h. Về công tác đoàn thể và phong trào thi đua

Tạo điều kiện thuận lợi để Đảng bộ, Công đoàn hoạt động có hiệu quả. Tích cực tham gia các phong trào thi đua thiết thực đóng góp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023**1. Tình hình tài chính năm 2023**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	01/01/2023
I	Tổng tài sản	24.035.285.209	25.870.120.256
1	Tài sản lưu động	14.518.510.326	19.459.954.528
2	Tài sản cố định	9.516.774.883	6.410.165.728
II	Nợ phải trả	3.919.495.172	5.495.145.475
1	Nợ ngắn hạn	3.919.495.172	5.495.145.475
2	Nợ dài hạn	-	-
III	Nguồn vốn chủ sở hữu	20.115.790.037	20.374.974.781
1	Vốn điều lệ	15.102.800.000	15.102.800.000
2	Vốn khác của chủ sở hữu	1.125.670.663	1.125.670.663
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	401.401.136	660.585.880
3	Quỹ đầu tư phát triển	3.485.918.238	3.485.918.238
4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
IV	Một số chỉ tiêu tài chính		
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu (%)	2,2%	3,33%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (%)	1,67%	2,55%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu (%)	1,99%	3,24%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ (%)	2,66%	4,37%

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về chế độ kế toán.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

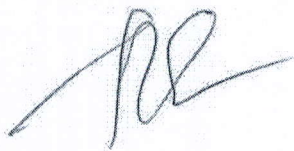
TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		14.518.510.326	19.459.954.528
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	219.580.829	581.185.152
1. Tiền	111		219.580.829	581.185.152
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.558.061.394	7.462.615.701
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	3.886.162.454	4.669.210.954
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		119.200.000	1.217.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	2.874.011.540	1.897.717.347
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(321.312.600)	(321.312.600)
III. Hàng tồn kho	140	5.5	7.712.209.638	11.416.153.675
1. Hàng tồn kho	141		7.712.209.638	11.416.153.675
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.658.465	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	28.658.465	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+260)	200		9.516.774.883	6.410.165.728
I. Tài sản cố định	220		1.890.299.633	3.673.831.613
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.890.299.633	3.673.831.613
- Nguyên giá	222		54.883.851.942	55.758.133.759
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.993.552.309)	(52.084.302.146)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		33.500.000	33.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.500.000)	(33.500.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.604.953.711	2.584.957.861
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	7.604.953.711	2.584.957.861
III. Tài sản dài hạn khác	260		21.521.539	151.376.254
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	21.521.539	151.376.254
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		24.035.285.209	25.870.120.256

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		3.919.495.172	5.495.145.475
I- Nợ ngắn hạn	310		3.919.495.172	5.495.145.475
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	1.797.672.857	2.950.236.115
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	170.100.703	302.326.034
3. Phải trả người lao động	314		650.969.525	880.001.239
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	44.000.000	44.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	431.027.421	465.357.421
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		825.724.666	853.224.666
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		20.115.790.037	20.374.974.781
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	20.115.790.037	20.374.974.781
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.102.800.000	15.102.800.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		15.102.800.000	15.102.800.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.125.670.663	1.125.670.663
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.485.918.238	3.485.918.238
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		401.401.136	660.585.880
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		660.585.880	313.751.755
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(259.184.744)	346.834.125
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		24.035.285.209	25.870.120.256

Thái Bình, ngày 04 tháng 03 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hệ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	18.240.566.077	19.851.530.314
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		18.240.566.077	19.851.530.314
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	14.687.823.275	15.519.036.995
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		3.552.742.802	4.332.493.319
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	233.877	706.515
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	3.845.227.376	4.003.157.303
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(292.250.697)	330.042.532
11. Thu nhập khác	31	6.5	40.000.979	50.253.921
12. Chi phí khác	32	6.5	6.935.026	33.462.328
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.5	33.065.953	16.791.593
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(259.184.744)	346.834.125
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(259.184.744)	346.834.125
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	(171,61)	229,65

Người lập

Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan

Tổng Giám đốc



Thái Bình, ngày 04 tháng 03 năm 2024

VII. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán:

Hiện tại Công ty đang thuê đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của năm 2023. Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam là một trong những công ty kiểm toán có uy tín tại Việt Nam.

- Ý kiến kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Kiểm toán nội bộ

Hiện tại Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình chưa thành lập kiểm toán nội bộ, đang xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ.

VIII. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có

IX. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Giới thiệu về Công ty:

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình
Tên giao dịch quốc tế	Thai Binh Cement Joint Stock Company
Tên viết tắt	TJC
Trụ sở chính	Số 1. đường Quách Đình Bảo. cụm Công nghiệp Phong Phú. phường Tiên Phong. TP Thái Bình. tỉnh Thái Bình
Điện thoại	(036) 3647 505
Fax	(036) 3647 506
Email	thaibinhinfo@gmail.com
Website	Ximangthaibinh.vn
Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận ĐKKD số 1000283494 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái bình cấp lần 10 ngày 25 tháng 09 năm 2017.

Biểu tượng Công ty



Ngành nghề kinh doanh - Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm Xi măng và vật liệu xây dựng
- Xuất nhập khẩu Clinker Xi măng poóc lăng trắng.

2. Cơ cấu tổ chức của công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty quyết định những vấn đề được pháp luật và điều lệ Công ty quy định.

Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo Hội đồng quản trị. Báo cáo ban kiểm soát, phương án phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

4. Hội đồng quản trị:

Là cơ quan pháp lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình gồm 5 thành viên. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Ban kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, trong việc ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

6. Ban Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

7. Các phòng ban chức năng:

- Phòng Hành chính tổ chức – LĐTL
- Phòng Kế toán tài chính
- Phòng Khoa học công nghệ

Các phòng ban chức năng thực hiện các nhiệm vụ về quản lý công tác nhân sự, lao động tiền lương, định mức tiêu hao vật tư cho sản xuất, nguồn cung cấp vật tư, quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn, an toàn lao động... và các nhiệm vụ khác phục vụ cho quá trình sản xuất và đầu tư.

8. Xưởng sản xuất:

Xưởng sản xuất trực tiếp thực hiện nhiệm vụ sản xuất sản phẩm theo các công đoạn sản xuất.

9. Danh sách các thành viên HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty năm 2022:

a. Thành viên Hội đồng quản trị:

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu tham gia	Theo văn bản
1	Bùi Thị Nguyên Hạnh	Chủ tịch HĐQT	22/3/2013	NQ-01/HĐQT ngày 22/3/2013
2	Phạm Văn Hệ	Thành viên HĐQT	25/09/2017	NQ-04/ĐHĐCĐ ngày 25/9/2017
3	Vũ Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	18/4/2023	NQ-01/ĐHĐCĐ ngày 18/4/2023
4	Bùi Đức Anh	Thành viên HĐQT	18/4/2023	NQ-01/HĐQT ngày 18/4/2023
5	Vũ Tiến Nghĩa	Thành viên HĐQT	12/2015	

b. Thành viên Ban kiểm soát:

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu tham gia	Theo văn bản
1	Nguyễn Thị Phương Lan	Thành Viên BKS	8/2015	NQ-01/ĐHĐCĐ ngày 09/8/2015
2	Nguyễn Thị Minh Thanh	Trưởng ban KS	18/4/2023	NQ-01/ĐHĐCĐ ngày 18/4/2023
3	Đỗ Thị Tâm	Thành Viên BKS	18/4/2023	NQ-01/ĐHĐCĐ ngày 18/4/2013

b. Thành viên Ban điều hành:

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu tham gia	Theo văn bản
1	Phạm Văn Hệ	Tổng Giám Đốc	25/9/2017	Số 43-QĐ/HĐQT ngày 25/09/2017
2	Phạm Văn Tiến	P. Tổng Giám Đốc	08/06/2018	Số 04-QĐ/HĐQT ngày 08/06/2018

b. Quyền lợi của Ban Giám đốc:

Tiền lương, tiền thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc theo quy chế của Công ty.

X. THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY

Vốn điều lệ: 15.102.800.000 đồng tương đương 1.510.280 cổ phần.

Quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình bao gồm:

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên.

*** Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ qua các công việc sau:**

- Năm 2023 đã tổ chức nhiều cuộc họp triển khai chỉ đạo thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị ra các nghị quyết giao cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng.

- Lập chương trình mục tiêu, nhiệm vụ công tác sản xuất kinh doanh đầu tư xây dựng quý I, quý II, quý III, quý IV.

- Lập báo cáo Hội đồng quản trị, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 trình đại hội cổ đông năm 2024.

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo thường kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ tại các cuộc họp giao ban về xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, định mức tiêu hao vật tư, kế hoạch tiền lương, kế hoạch sửa chữa, kế hoạch tài chính, kế hoạch giá thành....

Hoạt động ban kiểm soát Công ty.

Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 3 thành viên.

Ban kiểm soát hoạt động trên cơ sở quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát đã xây dựng quy chế hoạt động của Ban và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Ban.

Ban kiểm soát Công ty thực hiện các hoạt động sau:

- Tham gia các cuộc họp hội đồng quản trị.
- Kiểm soát các chứng từ thu chi của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ sổ sách kế toán theo quy định của bộ tài chính và chuẩn mực kế toán.
- Theo dõi ý kiến cổ đông thông qua các kênh thông tin.
- Xem xét báo cáo tài chính của tổ chức kiểm toán.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, bộ máy quản lý trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

XI. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty

a. Công tác tổ chức cán bộ và tổ chức sản xuất:

- Tiếp tục rà soát, bố trí sắp xếp cán bộ đúng người đúng việc trên cơ sở vì công việc mà bố trí người phụ trách. Lựa chọn những cán bộ có tâm, có tài vì sự phát triển bền vững của Công ty, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Sử dụng cán bộ chuyên môn có hiệu quả.

- Tăng cường công tác tuyển dụng, bồi dưỡng đào tạo cán bộ kế cận cho doanh nghiệp đảm bảo cho doanh nghiệp có đội ngũ cán bộ đủ sức, đủ tài, hoàn thành tốt nhiệm vụ thời kỳ hội nhập.

- Sắp xếp lao động phù hợp để sản xuất ổn định. Trường hợp nếu thiếu lao động trong dây chuyền sẽ cân nhắc việc thuê khoán lao động ngoài theo thời vụ hoặc đầu tư máy móc cơ giới hoá những khâu có thể trong dây chuyền.

b. Giải pháp thị trường:

Ổn định, đổi mới và phát triển thị trường là vấn đề then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp vì vậy công tác thị trường phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện. Tăng cường khâu tiếp thị để mở rộng thị phần, phát triển thị trường, nâng cao trình độ và nghiệp vụ bán hàng, bán hàng qua nhiều kênh. Thiết lập chi nhánh, các tổng kho phân phối cho các đại lý và các hộ tiêu thụ một cách hợp lý để giảm thiểu chi phí vận tải. Tổ chức tốt dịch vụ chăm sóc khách hàng.

Phối kết hợp chặt chẽ với Công ty cổ phần thương mại xi măng Thái Bình phát triển thị trường bán lẻ trên diện rộng.

Từng bước tiếp cận thị trường khu vực và thị trường Thế giới, hoàn thiện kỹ năng xuất nhập khẩu. Giới thiệu sản phẩm và hình ảnh Công ty tới bè bạn năm châu.

Tìm kiếm, khai thác sản phẩm mới trên cơ sở khai thác công năng các thiết bị công nghệ sẵn có của Công ty.

c. Giải pháp về kế hoạch vật tư

- Tăng cường công tác kế hoạch, tham mưu cho HĐQT, Ban Giám đốc hoạch định đúng đường lối phát triển doanh nghiệp và ra quyết định kịp thời, chính xác trong quá trình hội nhập phát triển.

- Tăng cường công tác đầu tư với phương châm lựa chọn công nghệ, thiết bị tiên tiến, từng bước hiện đại hoá phù hợp với điều kiện tài chính doanh nghiệp trong lộ trình phát triển, đảm bảo phát triển bền vững.

- Đáp ứng đầy đủ nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất theo các yêu cầu chất lượng do công nghệ đặt ra.

- Tìm kiếm nguồn nguyên liệu phù hợp, ổn định lâu dài, giá thành hạ.

- Điều tiết sản xuất hợp lý, đủ khả năng phục vụ cho thị trường.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế để sản xuất liên tục, không bị gián đoạn.

d. Giải pháp về chất lượng:

Đây là khâu trọng yếu để nâng cao vị thế của sản phẩm và hình ảnh trên thương trường. Vì vậy công tác chất lượng phải được kiểm soát chặt chẽ từ vật tư đầu vào đến sản phẩm đầu ra, chất lượng là cả một quá trình. Mọi quy trình phải được chấp hành nghiêm túc, phải thực hiện phòng ngừa là chính - khắc phục sửa chữa sự cố là nhất thời và hạn chế tối đa các sai phạm, sự cố xảy ra làm mất uy tín sản phẩm.

e. Giải pháp về công nghệ:

Tăng cường hợp tác với các nhà khoa học chuyên ngành, các cơ quan khoa học kỹ thuật để lựa chọn những công nghệ tiên tiến trong quá trình SXKD. Chủ động tiếp thu những thành tựu khoa học đã được triển khai trong và ngoài nước, áp dụng một cách hiệu quả.

Phải phối kết hợp chặt chẽ giữa các phòng ban phân xưởng sản xuất, cùng ban Giám đốc thường xuyên áp dụng những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tìm kiếm giải pháp công nghệ hợp lý, để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Tích cực chủ động trong nghiên cứu, triển khai sản phẩm mới góp phần đa dạng hoá sản phẩm.

g. Giải pháp về tài chính:

Để có được mục tiêu của năm 2024 đặt ra phải chuẩn bị đủ tiền vốn, nguyên nhiên vật liệu phục vụ cho quá trình SXKD, cho đầu tư XD CB đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Huy động mọi nguồn lực, sử dụng đồng vốn hiệu quả, quay vòng vốn nhanh, dự trữ đúng mức. Phân loại khách hàng để cung cấp hàng hoá. Phải hết sức khoa học và nghệ thuật trong tiêu thụ sản phẩm. Không để khách hàng lợi dụng chiếm dụng vốn, nợ đọng dây dưa khó đòi. Quản lý chặt chẽ việc mua bán vật tư nguyên nhiên vật liệu. Hợp đồng phải được soạn thảo theo đúng quy trình, theo đúng quy định pháp luật. Hạn chế tối đa vật tư hàng hoá không có VAT.

h. Chăm lo lợi ích người lao động và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

Bổ trí đầy đủ việc làm cho số lao động hiện có của Công ty, đảm bảo thu nhập ổn định, bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Thực hiện chế độ BHXH, BHYT cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm để người lao động yên tâm lao động sản xuất. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, phát hiện bệnh nghề nghiệp, xử lý kịp thời và có hướng sắp xếp lao động cho hợp lý.

i. Công tác Đảng - Đoàn thể và phong trào thi đua

- Xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh, vận động quần chúng, công nhân lao động hoàn thành nhiệm vụ chính trị đã đề ra.

- Chăm lo công tác Công đoàn, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức này hoạt động có hiệu quả. Từ đó đẩy lên các phong trào thi đua thiết thực. Phát hiện các nhân tố tích cực, biểu dương tạo khí thế thi đua sôi nổi. Động viên Cán bộ Công nhân lao động kịp thời để mọi người đóng góp tích cực hơn nữa vào sự nghiệp chung của Công ty.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và BKS:

Năm 2023 đã trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS như sau:

- 5 thành viên HĐQT = 117.129.600đ - 3 thành viên BKS = 37.648.800 đ

Tổng cộng: 154.778.400 đ

Thù lao Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức danh	Năm 2023
Bùi Thị Nguyễn Hạnh	Chủ tịch HĐQT	33.465.600
Phạm Văn Hệ	Thành viên HĐQT	20.916.000
Vũ Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	13.944.000
Bùi Đức Anh	Thành viên HĐQT	13.944.000
Vũ Tiến Nghĩa	Thành viên HĐQT	20.916.000
Hoàng Xuân Hải	Nguyên Thành viên HĐQT	6.972.000
Nguyễn Thị Minh Thanh	Nguyên Thành viên HĐQT	6.972.000

Thù lao Ban kiểm soát

Họ tên	Chức danh	Chức danh
Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên Ban KS	12.549.600
Nguyễn Thị Minh Thanh	Trưởng Ban KS	8.366.400
Đỗ Thị Tâm	Thành viên Ban KS	8.366.400
Trần Thị Mai Hương	Nguyên Thành viên BKS	4.183.200
Nguyễn Thị Hà My	Nguyên Thành viên BKS	4.183.200

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**

(Ký tên và đóng dấu)

